

**BIỂU PHÍ TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI, BẢO LÃNH, TƯ VẤN TÀI CHÍNH**

- Thời gian hiệu lực: ngày 20/12/2023

STT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ
<b>A. THƯ TÍN DỤNG (L/C)</b>		
<b>I</b>	<b>Thư tín dụng xuất khẩu (L/C xuất khẩu)</b>	
1	Thông báo LC	20 USD
2	Thông báo sửa đổi/Sửa đổi/ Hủy LC(bao gồm cả LC chuyển nhượng)	10 USD
3	Tiếp nhận và lập cover BCT xuất khẩu	10 USD/bộ
4	Tư vấn và kiểm tra BCT	20 USD/bộ
5	Thanh toán BCT	0,15% trị giá BCT, (Tối thiểu 30 USD)
6	Chuyển nhượng L/C xuất khẩu/Sửa đổi tăng tiền L/C chuyển nhượng	0,15% trị giá chuyển nhượng/ giá trị sửa đổi (Tối thiểu 30 USD)
<b>II</b>	<b>Thư tín dụng nhập khẩu (L/C nhập khẩu/ L/C nội địa do Msb phát hành)</b>	
1	Phát hành L/C	Ký quỹ 100% giá trị: 0,05% trị giá L/C Ký quỹ dưới 100% giá trị: 0,15% trị giá L/C (Tối thiểu: 50USD)
2	Sửa đổi tăng số tiền	Như mức phí tại A.II.1 trên phần giá trị tăng thêm; Tối thiểu 30 USD
3	Các sửa đổi khác/ sửa đổi bảo lãnh nhận hàng	30 USD
4	Phí xử lý BCT nhập khẩu	10 USD/bộ
5	Phát hành thư bảo lãnh nhận hàng	100 USD
6	Thanh toán L/C	0,2% trị giá BCT Tối thiểu: 30 USD

7	Chấp nhận hối phiếu/chấp nhận thanh toán L/C trả chậm	0,2%/ tháng/giá trị BCT Tối thiểu: 50 USD
8	Hủy L/C theo yêu cầu của Khách hàng <sup>1</sup>	30 USD + phí ngân hàng nước ngoài (nếu có)
<b>B. NHỜ THU</b>		
<b>I</b>	<b>Nhờ thu xuất khẩu/ Nhờ thu đi trong nước</b>	
1	Nhận và xử lý chứng từ nhờ thu/ Sửa đổi/Hủy/Thu hồi nhờ thu theo yêu cầu của người nhờ thu	10 USD/lần
2	Thanh toán nhờ thu	0,2% trị giá BCT, tối thiểu 30 USD
<b>II</b>	<b>Nhờ thu Nhập khẩu/Nhờ thu đến trong nước</b>	
1	Xử lý và thông báo chứng từ nhờ thu/Hủy/Từ chối thanh toán theo yêu cầu của người thanh toán	10 USD/lần
2	Chấp nhận thanh toán hối phiếu trả chậm/trả dần	30 USD/lần
3	Thanh toán nhờ thu	0,2% trị giá BCT, tối thiểu 30 USD
<b>C. BẢO LÃNH</b>		
<b>I</b>	<b>Phát hành bảo lãnh</b>	
1	Phát hành bảo lãnh ký quỹ 100%	0,75%/năm, tối thiểu 500.000 VNĐ
2	Phát hành bảo lãnh ký quỹ <100%	500.000 VNĐ <sup>2</sup>
2.1	Bảo lãnh dự thầu, bảo hành, thực hiện hợp đồng, hoàn tạm ứng	1,8%/năm
2.2	Bảo lãnh thanh toán, nhà, khác	2,2%/năm
2.3	Bảo lãnh vay vốn	2,6%/năm

<sup>1</sup> Trường hợp hủy L/C theo yêu cầu của Khách hàng, không thu phí giải tỏa ký quỹ/hủy phần dung sai /hủy L/C đã hết hạn trên 30 ngày

<sup>2</sup> Mức phí tối thiểu áp dụng cho từng loại bảo lãnh

3	Phát hành bảo lãnh có thay đổi tỷ lệ ký quỹ từ 100% xuống dưới 100% trong thời gian hiệu lực của bảo lãnh	Phí thu tương ứng với thời gian, mức phí, tỷ lệ ký quỹ thực tế của bảo lãnh đã phát hành tương ứng.
4	MSB phát hành bảo lãnh đối ứng	Như Mục C.I + phí của NH khác phát hành
5	Bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp	Theo thỏa thuận
<b>II</b>	<b>Sửa đổi bảo lãnh</b>	
1	Sửa đổi tăng số tiền và/hoặc gia hạn bảo lãnh	Như Mục I Phần C (Tính trên số tiền tăng thêm và/ hoặc gia hạn). Tối thiểu: 300.000 VND/ lần.
2	Sửa đổi khác	Tối thiểu: 300.000 VND/lần
<b>III</b>	<b>Dịch vụ khác</b>	
1	Hủy bảo lãnh theo yêu cầu của khách hàng <sup>3</sup> /Phát hành lại bảo lãnh do hư hỏng/thất lạc	Tối thiểu: 300.000 VND
2	Phát hành bảo lãnh khác mẫu	Như Mục C.I + 300.000 VND
3	Thông báo bảo lãnh/ Thông báo sửa đổi/Hủy bỏ bảo lãnh (Áp dụng cho bảo lãnh quốc tế)	15 USD
4	Dịch thuật	Theo thông báo của công ty dịch thuật
<b>D</b>	<b>BAO THANH TOÁN (BTT)</b>	
1	Phí BTT Bên bán trong nước	0,15% trị giá mỗi hóa đơn được BTT. Tối thiểu: 200.000 VND Tối đa 5 triệu VND.
2	Phí BTT Bên bán xuất khẩu	0,15% trị giá mỗi hóa đơn được BTT Tối thiểu 20 USD, Tối đa 200 USD.
3	Phí thu hộ bên thứ 3 tham gia giao dịch BTT	Theo thông báo của bên thứ 3

<sup>3</sup> Hủy bảo lãnh khi MSB hết nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định bảo lãnh ngân hàng: Miễn phí

<b>E</b>	<b>ĐIỆN PHÍ VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁC</b>	
<b>I</b>	<b>Phí thu Khách hàng trong nước</b>	
1	Điện phí phát hành L/C, Bảo lãnh	40 USD/lần
2	Điện phí khác/Phí tra soát/Phí chuyển tiếp điện	15 USD/lần
3	Ký hậu vận đơn, ủy quyền nhận hàng, cargo receipt	15 USD
<b>II</b>	<b>Phí thu của người thụ hưởng</b>	
1	Phí sai biệt chứng từ	100 USD
2	Điện phí thông báo thanh toán BCT/Điện phí thông báo BCT	30 USD
3	Điện phí thông báo thanh toán BCT (áp dụng cho L/c upas nội địa)	15 USD
4	Phí gửi thiếu bộ chứng từ copy	30 USD
5	Điện phí thu của Ngân hàng nước ngoài	30 USD
<b>III</b>	<b>Phí thay đổi biện pháp bảo đảm</b>	
<b>1</b>	Khách hàng đề nghị thay đổi biện pháp bảo đảm	300.000 VND/lần
<b>F</b>	<b>DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH</b>	TGD/P.TGD ngân hàng chuyên doanh quyết định trên cơ sở thỏa thuận với Khách hàng
<b>G</b>	<b>PHÍ KHÁC</b>	Theo thỏa thuận với Khách hàng

**Lưu ý:** Biểu phí này chưa bao gồm thuế VAT. MSB sẽ thực hiện tính thuế VAT cho các phí thuộc đối tượng chịu thuế VAT theo quy định của Pháp luật hiện hành.